

**TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030  
và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021;

Căn cứ Công văn số 3045/UBND-NNTN ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Công văn số 5405/UBND-NNTN ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Thông báo số 485/TB-HĐTĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện về kết quả thẩm định Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước.

Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước với những nội dung chủ yếu sau đây:

## **1. Hồ sơ trình thẩm định kèm theo Tờ trình gồm:**

- 1.1. Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước;
- 1.2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Cái Nước;
- 1.3. Báo cáo thuyết minh tổng hợp (kèm theo hệ thống biểu);
- 1.4. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Cái Nước;
- 1.5. Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cái Nước;
- 1.6. Bản đồ kết quả rà soát Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020;
- 1.7. Các bản đồ chuyên đề gồm: Bản đồ định hướng sử dụng đất; bản đồ chuyên đề về các khu vực chuyển mục đích sử dụng đất; đất nuôi trồng thủy sản; đất cụm công nghiệp; đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất đô thị, đất giao thông; đất thủy lợi và chuyên đề về các khu: sản xuất nông nghiệp; du lịch; phát triển công nghiệp; đô thị; thương mại - dịch vụ; dân cư nông thôn

1.8. Báo cáo tiếp thu, giải trình theo Thông báo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định; Các văn bản liên quan đến lấy ý kiến nhân dân (*trực tiếp và đăng công thông tin điện tử*); Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến nhân dân.

1.9. Đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu.

## **2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

Trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Cái Nước đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Cái Nước được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2020. Kết quả thực hiện như sau:

### **2.1. Kết quả thực hiện công trình, dự án**

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (2011-2020) huyện Cái Nước đăng ký thực hiện 725 công trình, dự án. Kết quả đến năm 2020, đã thực hiện 261/725 công trình, dự án, đạt 36,00 % tổng số lượng công trình đã đăng ký thực hiện với diện tích thực hiện là 198,01 ha/1.180,80 ha, đạt 16,77 % tổng diện tích đăng ký thực hiện.

### **2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất**

a) Kết quả thực hiện diện tích tự nhiên

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được duyệt, tổng diện tích tự nhiên là 41.708,68 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 tổng diện tích tự nhiên là 41.707,66 ha, giảm 1,02 ha. Nguyên nhân giảm diện tích tự nhiên là do trong kỳ

kiểm kê đất đai năm 2019 cập nhật lại hồ sơ địa giới hành chính đã thiết lập hoàn chỉnh theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”

b) Kết quả thực hiện đất nông nghiệp

Chỉ tiêu đất nông nghiệp của huyện Cái Nước được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 37.408,68 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 37.926,39 ha, thực hiện cao hơn so với quy hoạch được phê duyệt là 517,71 ha, đạt 101,38 %. Thực tế, đến năm 2020 đất nông nghiệp đã giảm 149,26 ha/quy hoạch giảm 666,97 ha, đạt 22,38 % so với chỉ tiêu đề ra; chưa thực hiện giảm 517,71 ha nguyên nhân chủ yếu do thiếu vốn đầu tư các công trình, dự án có sử dụng đất nông nghiệp so với kế hoạch đề ra, trong đó:

- Đất trồng lúa: Hiện trạng sử dụng đất năm 2010 đất trồng lúa của huyện là 2.083,51 ha, chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 huyện Cái Nước không còn đất trồng lúa. Kết quả thực hiện đến năm 2020 toàn bộ đất trồng lúa đã chuyển sang đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, theo quy hoạch được duyệt, do thực hiện theo Kế hoạch số 02/KH-STNMT ngày 07/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về chỉnh lý, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại những khu vực đã được cơ quan thẩm quyền cho phép chuyển dịch từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 5.462,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 5.686,00 ha, thực hiện cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 224,00 ha. Thực tế chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm quy hoạch giảm 164,56 ha, nhưng thực hiện lại tăng 59,44 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện giảm 49,43 ha/quy hoạch giảm 164,56 ha, đạt 30,03 %, do chuyển sang đất khu công nghiệp 17,08 ha; đất ở tại nông thôn 4,78 ha; đất ở tại đô thị 1,04 ha; đất quốc phòng 0,12 ha; đất thương mại, dịch vụ 2,65 ha, đất phát triển hạ tầng 23,76 ha.

+ Rà soát lại hiện trạng sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 đất trồng cây lâu năm tăng 108,87 ha.

- Đất rừng đặc dụng: Hiện trạng sử dụng đất năm 2010 đất rừng đặc dụng của huyện là 15,41 ha, chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 huyện Cái Nước không còn đất rừng đặc dụng. Kết quả thực hiện đến năm

2020 toàn bộ đất rừng đặc dụng đã chuyển sang đất trồng cây lâu năm diện tích 15,21 ha, đất trụ sở cơ quan diện tích 0,20 ha, do trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 rà soát lại hiện trạng sử dụng đất rừng đặc dụng theo bản đồ hiện trạng rừng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Biên bản số 94/BB-STNMT ngày 21/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát diện tích đất lâm nghiệp kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo số 516/BC-STNMT ngày 13/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về báo cáo kết quả rà soát đất lâm nghiệp, đất an ninh, đất quốc phòng thực hiện trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 tỉnh Cà Mau.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 31.946,20 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 32.240,39 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 294,19 ha. Thực tế chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản quy hoạch tăng 202,28 ha, nhưng thực hiện lại tăng 496,47 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện giảm 169,69 ha do chuyển sang đất khu công nghiệp 63,05 ha; đất ở tại nông thôn 12,68 ha; đất ở tại đô thị 2,76 ha; đất trụ sở cơ quan 0,36 ha; đất quốc phòng 10,43 ha; đất phát triển hạ tầng 69,07 ha.

+ Đã thực hiện tăng 688,61 được lấy từ đất trồng lúa.

+ Rà soát lại hiện trạng sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 đất nuôi trồng thủy sản giảm là 22,45 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 0,48 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 0,0 ha, không đạt so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tăng 0,48 ha để thực hiện Dự án sản xuất - ương vò tôm sú giống, đến nay dự án này đã thực hiện nhưng kiểm kê đất đai năm 2019 thống kê công trình này vào loại đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

#### c) Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 4.300,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 3.780,79 ha, chỉ tiêu thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 519,21 ha. Thực tế chỉ tiêu các loại đất phi nông nghiệp biến động tăng, giảm như sau:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 22,15 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 17,59 ha, thấp hơn 4,56 ha, đạt 79,41 % so với chỉ tiêu được duyệt. Thực tế chỉ tiêu đất quốc phòng quy hoạch tăng 8,86 ha, nhưng thực hiện chỉ tăng 4,30 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 10,55 ha do thực hiện công trình Trộn địa trạm RaDa 23/E294 Thạnh Phú.

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất quốc phòng giảm 6,25 ha, do xác định lại mục đích sử dụng đất khu đất Thao trường huấn luyện tại xã Trần Thới thuộc đất quốc phòng nhưng đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp nên thống kê vào loại đất theo hiện trạng sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 6,19 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 4,19 ha, thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 1,99 ha, đạt 67,78 % so với chỉ tiêu được duyệt. Thực tế chỉ tiêu đất an ninh quy hoạch tăng 2,02 ha, nhưng thực hiện tăng 0,02 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Chưa thực hiện tăng 2,02 ha/quy hoạch tăng 2,02 ha do chưa thực hiện các công trình dự án theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 như: Công an xã Trần Thới, Công an xã Hòa Mỹ, Công an xã Hưng Mỹ và trụ sở công an một số xã đã thực hiện nhưng thống kê là đất trụ sở cơ quan.

+ Rà soát lại hiện trạng sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 đất an ninh tăng là 0,02 ha.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 326,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 102,37 ha, thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 223,63 ha, đạt 31,40 % so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân dự án Khu công nghiệp Hòa Trung xã Lương Thế Trân là dự án có diện tích lớn được thực hiện qua nhiều giai đoạn. Bên cạnh đó tình hình kinh tế khó khăn chung của cả nước trong những năm qua, cũng như công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc tạo quỹ đất sạch khu công nghiệp Hòa Trung nên kết quả thực hiện thấp so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 30,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 huyện chưa thực hiện đất cụm công nghiệp, do chưa thực hiện dự án Cụm công nghiệp Đầm Cùng tại xã Trần Thới.

- Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 77,72 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 21,77 ha, thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 55,95 ha, đạt 28,01% so với chỉ tiêu được duyệt. Thực tế chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ quy hoạch tăng 53,76 ha, nhưng thực hiện giảm 2,19 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 13,10 ha/quy hoạch tăng 53,76 ha đạt 24,37 %, do đã thực hiện: Mô hình ngân hàng đất phục vụ nạo vét kênh nội đồng tiểu vùng X-Nam Cà Mau; Công ty TNHH Kim Minh; Cửa hàng xăng dầu số 28 - Công ty xăng dầu Cà Mau; Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Chi nhánh 3 - DNTN Kim Minh; Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Chi nhánh 5 - DNTN Kim Minh; Công ty TNHH Thương mại Hiền Đức; Cây xăng áp Giá Ngự; Công ty TNHH thương mại xăng dầu Hiền Đức (kho và cửa hàng bán lẻ xăng dầu, ở ấp Hoà Trung); Cửa hàng kinh doanh xăng dầu (Công ty TNHH MTV xăng dầu Kim Khoen); Cửa hàng kinh doanh xăng dầu xã Lương Thế Trân.

+ Chưa thực hiện tăng 40,66 ha/quy hoạch tăng 53,76 ha chiếm 75,63 % theo quy hoạch được duyệt, do chưa thực hiện: Khu du lịch sinh thái Kim Phụng Hảo; Công ty CP thương mại Dầu khí; Công ty CP nội thất Kim Phụng Thảo; Trụ sở Hợp tác xã Hưng Mỹ; Đất thương mại dịch vụ (Khu đô thị mới thị trấn Cái Nước) và 07 cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất thương mại, dịch vụ giảm 15,29 ha, do rà soát lại đất thương mại, dịch vụ theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 33,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 19,52 ha, chỉ tiêu thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 13,49 ha. Thực tế chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp quy hoạch tăng 14,63 ha, nhưng thực hiện tăng 1,15 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 1,15 ha/quy hoạch tăng 14,63 ha đạt 7,84 %, do thực hiện: Công ty CPCBDV thủy sản Cà Mau; Phân xưởng sơ chế Nhà Phấn (Công ty CP Chế biến và Dịch vụ thủy sản Cà Mau); Cơ sở chế biến thủy sản - Công ty TNHH thương mại Ngân Phú; Cơ sở chế biến thủy sản - Công ty Cổ phần thực phẩm Đại Dương; Cơ sở chế biến thủy sản - Công ty Cổ phần thực phẩm thủy sản xuất khẩu Cà Mau; Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Chitosan Việt Nam; Dự án Nhà máy sản xuất chitin, chitosan (Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Chitosan Việt Nam).

+ Chưa thực hiện tăng 13,48 ha/quy hoạch tăng 14,63 ha chiếm 92,16 %, do chưa thực hiện: Đất sản xuất kinh doanh (ấp Đông Hưng); Doanh nghiệp tư nhân Ánh Ngọc (Nhà máy sản xuất nước đá); Đất sản xuất kinh doanh (ấp Tân Bửu) xã Tân Hưng; 12 trạm cấp nước sạch và quỹ đất sản xuất kinh doanh dự phòng.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 1.306,73ha, kết quả

thực hiện đến năm 2020 là 716,60 ha, chỉ tiêu thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 590,14 ha, đạt tỷ lệ 54,84 %, cụ thể như sau:

+ Đất giao thông: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 987,61 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 608,44 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 379,17 ha. Thực tế chỉ tiêu đất giao thông quy hoạch tăng 448,94 ha, nhưng thực hiện tăng 69,77 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

Đã thực hiện tăng 69,77 ha/quy hoạch tăng 448,94 ha đạt 15,54 %, do thực hiện: Tuyến đường trục chính Đông - Tây (đoạn từ QL1A đến cửa biển Gành Hào); Đường ĐH.32B (Đường Cái Rắn, từ QL.1A - đến kinh Tám Ngàn); Cầu Hòa Trung (nối huyện Cái Nước, huyện Đầm Dơi),... và các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện.

Chưa thực hiện tăng 379,17 ha, do chưa thực hiện: Đường ĐT.986 (Đ. Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đồi Vàm; từ Phà Chà Là, xã Đông Hưng - Ranh H. Phú Tân); Đường ĐT.987 (Đường Đê Tây Sông Bảy Háp; Điểm đầu đường Lương Thế Trân-Đầm Dơi - Điểm cuối ranh H.Phú Tân); Đường ĐT.985 (Đường Rau Dừa - Rạch Ráng; từ QL.1A (xã Hưng Mỹ) - Ranh H. Phú Tân); Đường ĐH.33 (Đường Kinh Xáng Đông Hưng; Điểm đầu đường Lương Thế Trân-Đầm Dơi - Điểm cuối đường Đầm Dơi - Phú Tân),...

+ Đất thủy lợi: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 28,84 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 12,12 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 16,72 ha, đạt 42,02 %. Thực tế chỉ tiêu đất thủy lợi biến động tăng, giảm như sau:

Đã thực hiện tăng 2,96 ha/quy hoạch tăng 19,68 ha đạt 15,04 %, do thực hiện: Kênh thủy lợi phục vụ NTTS của các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án Trạm Rada 23/3294 và 26 công phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Chưa thực hiện tăng 16,72 ha chiếm 84,96 %, do chưa thực hiện: Mở mới kinh thủy lợi (tuyến 2 Giáp) xã Lương Thế Trân; Đê bao Lương Thế Trân và các tuyến đê dọc theo các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn huyện.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 10,08 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 3,98 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 6,10 ha, đạt 39,47 %. Thực tế chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa quy hoạch tăng 0,80 ha, nhưng thực hiện lại giảm 5,30 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

Đã thực hiện tăng 0,39 ha/quy hoạch tăng 0,80 ha đạt 15,04 %, do thực hiện: Trung tâm văn hóa xã Thạnh Phú.

Chưa thực hiện tăng 0,41 ha/quy hoạch tăng 0,80 ha, do chưa thực hiện công trình Trung tâm văn hóa xã Tân Hưng Đông, Trung tâm văn hóa xã Tân Hưng Đông..

Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa giảm 5,69 ha, do rà soát lại đất xây dựng cơ sở văn hóa theo hiện trạng sử dụng đất.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 8,13 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 8,44 ha, chỉ tiêu thực hiện cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,31 ha, đạt 103,79 %. Thực tế chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế quy hoạch tăng 0,09 ha nhưng thực hiện tăng 0,40 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

Đã thực hiện tăng 0,25 ha theo quy hoạch do đã thực hiện Trạm y tế xã Đông Thới.

Chưa thực hiện giảm 0,16 ha theo quy hoạch.

Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất xây dựng cơ sở y tế tăng 0,15 ha, do rà soát lại đất xây dựng cơ sở y tế theo hiện trạng sử dụng đất.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 45,48 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 45,16 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,32 ha, đạt 99,29 %. Thực tế chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đã thực hiện tăng 4,37 ha/quy hoạch tăng 4,69 ha đạt 93,15 %, do đã thực hiện: Trường THCS Trần Quốc Toàn; Trường tiểu học Hoà Mỹ 1 (điểm chính - vị trí mới); Mở rộng Trường Tiểu học, Trung học cơ sở Thạnh Hưng; Trường mầm non Hoa Mai; Mở rộng Trường TH Thạnh Phú 1 (có 1 điểm phụ - Ấp Trần Độ: NTS 0,08ha); Trường Tiểu học Hưng Mỹ 2...

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 21,87 ha. Kết quả thực hiện đến năm 2020 huyện chưa thực hiện các công trình, dự án đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao như: Khu văn hóa - thể thao xã Đông Hưng; Khu văn hóa - thể thao xã Đông Thới (QH Trung tâm xã); Sân thể thao ấp Hợp Tác Xã; Khu văn hóa - thể thao xã Tân Hưng Đông; Quy hoạch khu thể thao xã Phú Hưng; Khu văn hóa - thể thao xã Trần Thới; Khu văn hóa - thể thao xã Lương Thế Trân;...

+ Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 104,04ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 0,02 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 103,33 ha, đạt 0,68 %, do chưa thực hiện: Trạm biến áp 220kv Cái Nước; Đường dây 220kV Cà Mau 2 - Cái Nước; Dự án nhà máy điện gió Cà Mau 1A; Nhánh điện Cà Mau - Cái Nước.



+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 1,26 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 5,39 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 4,13 ha, đạt 427,78 %, do đã thực hiện công trình: Bưu điện Cái Nước tại xã Thạnh Phú (Hiện trạng thống kê vào đất CSVH 0,11406 ha); Bưu điện văn hóa xã (tại Ấp Sở Tại) xã Thạnh Phú và trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 rà soát lại đất công trình bưu chính viễn thông theo hiện trạng sử dụng đất.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 15,92 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 1,79 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 14,14 ha, đạt 11,21 %. Thực tế chỉ tiêu đất có di tích lịch sử - văn hóa quy hoạch tăng 14,13 ha để thực hiện công trình: Mở rộng Khu căn cứ Lung Lá - Nhà Thờ nhưng đến nay chưa thực hiện.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 55,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 5,53 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 49,47 ha. Thực tế chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải đã thực hiện tăng 4,52 ha/quy hoạch tăng 53,99 ha đạt 4,52 %, do thực hiện Bãi rác tại thị trấn Cái Nước. Còn lại các công trình Bãi tập kết rác sinh hoạt hiện có ở ấp Sở Tại, Bãi trung chuyển rác (lấy từ UBND xã Đông Thới cũ ); Trạm trung chuyển rác sinh hoạt ở ấp Tân Hòa (hiện trạng đã có nhưng chưa thống kê); Bãi rác huyện Cái Nước (quy hoạch 40 ha, trong đó đến năm 2020: 13,75ha) chưa thực hiện theo quy hoạch.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 10,81 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 10,10 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,71 ha, đạt 93,45%.

Thực tế chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo đã thực hiện tăng 0,68 ha/quy hoạch tăng 1,39 ha đạt 49,13 %, do thực hiện công trình Hộ đạo Rau Dừa; Chùa Hưng Phước xã Hưng Mỹ.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 13,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 6,41 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 6,59 ha, đạt 49,34%. Thực tế chỉ tiêu đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng quy hoạch tăng 5,64 ha, nhưng thực hiện giảm 0,95 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

Chưa thực hiện tăng 5,64 ha/quy hoạch tăng 5,64 ha, do chưa thực hiện: Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Lương Thế Trân; Nghĩa trang nhân dân xã Phú Hưng; Quy hoạch trang nhân dân xã Đông Hưng (ấp Nhà Thính A)...

Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 0,95 ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

+ Đất chợ: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 4,69 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 2,67 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 2,02 ha, đạt 56,93%. Thực tế chỉ tiêu đất chợ quy hoạch tăng 1,25 ha, nhưng thực hiện giảm 0,77 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

Chưa thực hiện tăng 1,25 ha/quy hoạch tăng 1,25 ha do chưa thực hiện: Chợ xã Đông Thới (lấy từ trường TH Đông Thới 3); Chợ trung tâm Phú Hưng; Chợ Đầm Cù; Chợ nông sản thực Phẩm.

Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất chợ giảm 0,77 ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 9,91 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 8,19 ha, chỉ tiêu thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 1,72 ha, đạt 82,66 %. Thực tế chỉ tiêu đất sinh hoạt cộng đồng quy hoạch tăng 1,08 ha, nhưng thực hiện giảm 0,64 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 0,25 ha/quy hoạch tăng 1,08 ha đạt 23,20 %, do thực hiện các Trụ sở ấp Kênh Lách xã Hoà Mỹ; Trụ sở ấp Bào Kè xã Lương Thế Trân.

+ Chưa thực hiện tăng 0,83 ha/quy hoạch tăng 1,08 ha đạt 76,80%, do chưa thực hiện các trụ sở sinh hoạt văn hóa ấp, khóm theo phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất sinh hoạt cộng đồng giảm 0,89 ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 không thực hiện chỉ tiêu này, tuy nhiên kết quả thực hiện đến năm 2020 là 0,19 ha do trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 0,19 ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 683,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 681,07 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 1,93 ha, đạt 99,72%. Thực tế chỉ tiêu đất ở tại nông thôn đã thực hiện tăng 11,82 ha/quy hoạch tăng 13,75 ha đạt 85,96 %, do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại các xã trên địa bàn huyện;

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 96,00 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 66,96 ha, thấp hơn so với

chỉ tiêu được duyệt là 29,04 ha. Thực tế chỉ tiêu đất ở tại đô thị quy hoạch tăng 20,28 ha, nhưng thực hiện giảm 8,76 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 4,28 ha/quy hoạch tăng 20,28 ha đạt 21,10 %, do thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Cái Nước.

+ Chưa thực hiện tăng 16,00 ha/quy hoạch tăng 20,28 ha đạt 78,90 %, do chưa thực hiện: Khu đô thị mới thị trấn Cái Nước, Khu dân cư lương thực (giai đoạn 2); Khu dân cư khu Bến Tàu - LA37,... và các tuyến chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Cái Nước;

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất ở tại đô thị giảm 13,04ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 10,87 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 10,81 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,06 ha, đạt 99,45 %. Thực tế chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan quy hoạch đề ra giảm 0,38 ha, nhưng thực hiện lại giảm 0,44 ha. Cụ thể tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 0,67 ha/quy hoạch tăng 1,40 ha đạt 47,86 %, do thực hiện Trụ sở hành chính xã Đông Thới; Mở rộng trụ sở UBND xã Đông Hưng.

+ Chưa thực hiện tăng 0,73 ha/quy hoạch tăng 1,40 ha đạt 52,14 %, do chưa thực hiện: Xây dựng trụ sở UBND xã Trần Thới; Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân.

+ Đã thực hiện giảm 0,33 ha theo quy hoạch được duyệt;

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,78 ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 6,13 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 6,37 ha, chỉ tiêu thực hiện cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,24 ha, đạt 103,90%. Thực tế chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp quy hoạch tăng 0,01 ha, nhưng thực hiện tăng 0,25 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 0,01 ha/quy hoạch tăng 0,01 ha, do thực hiện công trình Quan Trắc nước dưới đất thuộc tiểu dự án 2 (HP1-2) xã Hoà Mỹ.

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 0,24 ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất tín ngưỡng: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 2,81 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 2,56 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,25 ha, đạt 91,03 %. Thực tế chỉ tiêu đất tín ngưỡng quy

hoạch tăng 0,20 ha, nhưng thực hiện giảm 0,05 ha. Cụ thể biến động tăng, giảm như sau:

+ Đã thực hiện tăng 0,20 ha/quy hoạch tăng 0,20 ha đạt 100 %, do thực hiện: Đình thần Hưng Mỹ

+ Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 diện tích đất tín ngưỡng giảm 0,05ha, do rà soát lại theo hiện trạng sử dụng đất.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 1.688,99 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 2.122,61 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 433,63 ha. Thực tế chỉ tiêu đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối đã giảm 28,01 ha/ quy hoạch giảm 461,63 ha, đạt 6,07 % do chuyển sang đất khu công nghiệp, đất ở khu dân cư thị trấn Cái Nước, đất phát triển hạ tầng...

- Đất phi nông nghiệp khác: Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt đến năm 2020 là 0,51 ha, kết quả thực hiện đến năm 2020 huyện chưa thực hiện đất phi nông nghiệp khác, do chưa thực hiện: Đất dự trữ (Trường TH Trần Thới 1-Điểm Cái Chim); Đất dự trữ (Trường TH Trần Thời 1- An Hưng A); Đất dự trữ (Trường TH Trần Thới 1- Điểm Cái Chim).

d) Kết quả thực hiện đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt diện tích đến năm 2020 là không còn đất chưa sử dụng, kết quả thực hiện đến năm 2020 là 0,48 ha, do trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 cập nhật lại đất bằng chưa sử dụng theo hiện trạng sử dụng đất.

### **2.3. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước**

a) Những mặt được

- Chủ động quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các cụm công nghiệp, dân cư,... và góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện Cái Nước.

- Trong quá trình thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Cái Nước đã cho thấy đây là cơ sở quan trọng quản lý nhà nước về đất đai, đã chỉ ra được vị trí, quy mô sử dụng đất cụ thể theo mục đích sử dụng; đồng thời là cơ sở rất quan trọng trong việc thu hút đầu tư, xây dựng công trình và nhất là giúp các cấp chính quyền trong công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển của địa

phương, nhằm đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Quy hoạch sử dụng đất là cơ sở để được quản lý chặt chẽ, không để xảy ra chuyển mục đích trái phép đất nông nghiệp sang mục đích khác với quy mô lớn, nhất là chuyển đất lúa sang mục đích nông nghiệp còn lại.

- Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phát huy tính dân chủ, công khai, giảm được nhiều tiêu cực trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những công cụ quan trọng của các cấp chính quyền để chỉ đạo, quản lý và sử dụng đất đai có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

#### b) Những tồn tại

- Công tác thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chậm, còn nhiều bất cập, không đạt hiệu quả như mong muốn (phụ thuộc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp trên) chưa đồng bộ được giữa nhu cầu sử dụng đất của địa phương, của các ngành và các lĩnh vực.

- Nhiều công trình quy hoạch rất cần thiết, có lộ trình thực hiện và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhưng do ngân sách không bảo đảm, bị động về nguồn vốn đầu tư nên khi triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra, nhất là đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng dẫn đến tình trạng nhiều công trình đã được phê duyệt nhưng không thực hiện được.

- Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt còn hạn chế, dẫn đến tình trạng để dân lấn chiếm, tự chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

Từ các tồn tại trên, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất (đất nuôi trồng thủy sản, đất quốc phòng, đất an ninh, đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp...) đạt kết quả còn thấp so với kế hoạch đề ra.

#### c) Nguyên nhân tồn tại

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua của cả nước, tỉnh cũng như của huyện gặp nhiều khó khăn, thực hiện mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công và chính sách tiền tệ thắt chặt đã làm suy

giảm nghiêm trọng nguồn vốn đầu tư, đã tác động không nhỏ đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch của các ngành còn chưa thực sự thống nhất, mỗi ngành có những số liệu điều tra, khảo sát và định hướng phát triển khác nhau. Hơn nữa, thời điểm lập và phê duyệt cũng khác nhau, do đó việc lồng ghép quy hoạch của các ngành vào trong quy hoạch sử dụng đất khó đảm bảo tính thống nhất.

- Nguồn vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản của huyện phụ thuộc vào ngân sách Tỉnh và Trung ương, nên có phần bị động so với kế hoạch đề ra. Việc bố trí nguồn vốn chưa được chủ động, các công trình trọng điểm, đặc biệt các cụm công nghiệp chưa thu hút được các nhà đầu tư.

- Bên cạnh đó, nhiều công trình đăng ký trong quy hoạch, kế hoạch mang tính cơ hội nhằm định hướng, tranh thủ các nguồn lực tài chính của nhà nước, của tư nhân, một số chỉ tiêu sử dụng đất đưa ra dự báo khá cao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lại thiếu vốn đầu tư để phát triển hạ tầng, dẫn đến việc thu hút các nhà đầu tư còn hạn chế.

- Do sai số trong quá trình thống kê đất đai năm 2010, kiểm kê đất đai năm 2014 và thống kê đất đai năm 2020; đồng thời các tiêu chí kiểm kê giữa hai kỳ cũng không giống nhau nên số liệu có nhiều sai lệch.

- Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước đã đưa các danh mục phục vụ cho nông thôn mới quá nhiều, vượt xa khả năng đầu tư thực tế.

- Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục dự án đầu tư đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhất là các dự án sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại không thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường, nên quy hoạch sử dụng đất phải bổ sung, điều chỉnh. Trong thực tế, sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt lại có một số dự án phát sinh thêm có tính khả thi nhưng lại không có trong quy hoạch sử dụng đất, nên cũng không thể giao đất, cho thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất để triển khai, mặc dù phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

- Sự gắn kết giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác còn nhiều bất cập và khó khăn, đặc biệt là quy hoạch xây dựng, do không thống nhất nhau về kỳ kế hoạch, tiêu chí phân loại đất, định mức và chỉ tiêu loại đất,...

### **3. Nội dung phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030**

#### **3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:**

*(Chi tiết kèm Phụ lục I)*

### **3.2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:**

*(Chi tiết kèm phụ lục II)*

### **3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:**

*(Chi tiết kèm phụ lục III)*

## **4. Kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

Thực hiện Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện và Công văn số 5405/UBND-NNTN ngày 10/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân,... làm cơ sở thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện Cái Nước, Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước đã lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 nên không thẩm định và trình phê duyệt nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước, mà cập nhật vào hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước theo quy định.

## **5. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

### **5.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ Môi trường:
  - + Phổ biến Luật Bảo vệ Môi trường đến các doanh nghiệp, Nhân dân.
  - + Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về xử lý ô nhiễm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư về cụm công nghiệp, đồng thời đình chỉ các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng.
- Xây dựng kế hoạch và chính sách bảo vệ môi trường:
  - + Cần đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.
  - + Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp - TTCN, trong đó ưu tiên đầu tư công nghệ mới, công nghệ sạch.
  - + Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ các cơ sở sản xuất, các khu vực có khả năng gây ô nhiễm trong huyện.
  - + Xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường lâu dài.

### **5.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất**

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi cơ quan có thẩm quyền phê

duyet, cần công bố theo quy định, phân công trách nhiệm của cấp dưới, ngành trong việc tổ chức thực hiện.

- Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, các phòng, ban ngành của huyện đề xuất UBND huyện và UBND nhân dân tỉnh có kế hoạch vốn cụ thể để thực hiện các công trình nêu trong quy hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở tất cả các địa phương và các ngành trên địa bàn huyện. Đưa nội dung, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với đất đai theo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt vào thực tế.

- Tăng cường tổ chức ngành tài nguyên và môi trường đủ mạnh ở cấp xã, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác quản lý đất đai và môi trường trong thời gian tới.

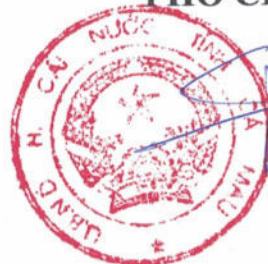
Trên đây là những nội dung chủ yếu của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cái Nước. Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở TN&MT;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- Lưu: VT.

*Handwritten signature*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Handwritten signature*

**Huỳnh Hùng Em**





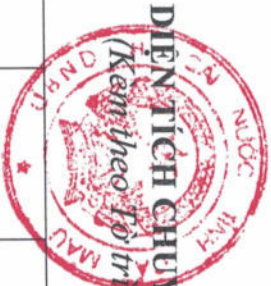
**Phụ lục I**  
**DIỆN TÍCH, CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT**  
**TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN CÁI NƯỚC**  
*(Kèm theo Tờ trình số: 316/TTr-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Cái Nước)*

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>41.707,66</b>	<b>100,00</b>	<b>41.707,66</b>	<b>0,00</b>	<b>41.707,66</b>	<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>LOẠI ĐẤT</b>						
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>37.926,39</b>	<b>90,93</b>	<b>36.362,55</b>	<b>-19,50</b>	<b>36.343,06</b>	<b>87,14</b>
1.1	Đất trồng lúa						
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác						
1.3	Đất trồng cây lâu năm	5.686,00	13,63	5.365,07	-133,73	5.231,34	12,54
1.4	Đất rừng phòng hộ						
1.5	Đất rừng đặc dụng						
1.6	Đất rừng sản xuất						
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	32.240,39	77,30		31.098,21	31.098,21	74,56
1.8	Đất làm muối						
1.9	Đất nông nghiệp khác				13,51	13,51	0,03
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>3.780,79</b>	<b>9,06</b>	<b>5.345,11</b>	<b>19,50</b>	<b>5.364,61</b>	<b>12,86</b>
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	17,59	0,04	41,73	-9,71	32,02	0,08
2.2	Đất an ninh	4,19	0,01	6,27	0,46	6,73	0,02
2.3	Đất khu công nghiệp	102,37	0,25	326,00		326,00	0,78
2.4	Đất cụm công nghiệp			50,00		50,00	0,12
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	21,77	0,05	55,25	18,47	73,72	0,18
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	19,52	0,05	33,66	-18,80	14,86	0,04
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	716,59	1,72	1.693,96	34,84	1.728,80	4,15
	<i>Trong đó:</i>						

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.9.1	Đất giao thông	608,44	1,46	1.252,06	-39,06	1.213,00	2,91
2.9.2	Đất thủy lợi	12,12	0,03	180,07	47,06	227,13	0,54
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	3,98	0,01	5,20		5,20	0,01
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	8,44	0,02	8,69	-0,23	8,46	0,02
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	45,16	0,11	48,33	9,60	57,93	0,14
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	5,85	0,01	10,68	5,00	15,68	0,04
2.9.7	Đất công trình năng lượng	0,71	0,00	129,25	9,78	139,03	0,33
2.9.8	Đất công trình bưu chính viễn thông	5,39	0,01	5,46	-0,02	5,44	0,01
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia						
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	1,79	0,00	15,47	-1,01	14,47	0,03
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	5,53	0,01	7,82	-4,07	3,75	0,01
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	10,10	0,02	10,29	0,00	10,28	0,02
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	6,41	0,02	16,42	7,78	24,19	0,06
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ						
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội						
2.9.16	Đất chợ	2,67	0,01	4,23		4,23	0,01
2.10	Đất danh lam thắng cảnh						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	8,19	0,02	9,91	-0,16	9,75	0,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,19	0,00	1,39	5,80	7,19	0,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	681,07	1,63	797,46	-234,63	562,83	1,35
2.14	Đất ở tại đô thị	66,96	0,16	129,46	316,51	445,97	1,07
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	10,81	0,03	9,45	1,78	11,23	0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	6,36	0,02	6,36	-4,59	1,77	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao						
2.18	Đất tín ngưỡng	2,56	0,01	2,56		2,56	0,01
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	2.122,61	5,09	2.091,20		2.091,20	5,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng						
2.21	Đất phi nông nghiệp khác						
3	Đất chưa sử dụng	0,48	0,00				
II	KHU CHỨC NĂNG*			57.166,82	4.587,27	61.754,09	148,06

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030			
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp tỉnh phân bổ (ha)	Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)	Tổng số	
						Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất khu công nghệ cao						
2	Đất khu kinh tế						
3	Đất đô thị			10.367,60	4.747,55	15.115,15	36,24
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)			36.362,55	-19,50	36.343,05	87,14
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)						
6	Khu du lịch			87,22	-50,33	36,89	0,09
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học			14,00		14,00	0,03
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)			466,45	-90,45	376,00	0,90
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)			769,79	0,00	769,79	1,85
10	Khu thương mại - dịch vụ			139,23		139,23	0,33
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ						
12	Khu dân cư nông thôn			8.959,98		8.959,98	21,48
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn						

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên



**Phụ lục II**  
**DIỆN TÍCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN CÁI NƯỚC**  
*(Kèm theo Topographic số: 316/Tr-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Cái Nước)*

Đơn vị tính: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Cái Nước	Xã Trần Thới	Xã Đông Thới	Xã Đông Hưng	Xã Tân Hưng Đông	Xã Hòa Mỹ	Xã Hưng Mỹ	Xã Phú Hưng	Xã Tân Hưng	Xã Thạnh Phú	Xã Lương Thế Trân	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp		1.583,89	134,88	144,18	108,83	83,71	111,09	77,73	100,83	161,30	132,68	152,56	376,09	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	452,22	73,19	24,77	22,10	36,44	53,37	30,22	26,26	26,29	28,74	28,40	102,45	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1.131,66	61,69	119,41	86,73	47,27	57,72	47,51	74,58	135,01	103,94	124,16	273,64	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		13,22							0,91	2,02	10,29			
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,56	0,06	0,36	0,14									

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.  
 - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

